TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 11
GV: ĐỖ THỊ THU THỦY
TỔ: NGỮ VĂN
NGÀY SOẠN: 24/10/2026
NGÀY DẠY: 26/10/2026
TIẾT 25-28, 30-34 (T29-Trả bài GK1)
BÀI 3

CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

Phần	Tên bài/Thời lượng (10 tiết)
1. Đọc	- VB 1: *Cầu hiền chiếu* (Ngô Thì Nhậm) - VB 2: *Tôi có một ước mơ* (Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*, Mác-tin Lu-thơ Kinh) - VB 3: *Một thời đại trong thi ca* (Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh) Thực hành đọc: *Tiếp xúc với tác phẩm* (Thái Bá Vân)
	Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Tiếp theo)
2. Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)
3. Nói và nghe	Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **- HS biết đọc hiểu văn bản nghị luận:** + Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. + Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. + Xác định được nội dung và ý nghĩa của văn bản. Nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết. + Nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết. + Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận. + Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm,

	xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn. + Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do. - **HS nhận biết được** đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả. - **HS viết được** văn bản nghị luận về một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh) - **HS biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận** về một vấn đề xã hội.
Năng lực số	***1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin:*** Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, YouTube) để tra cứu thông tin về tác giả, bối cảnh sáng tác; bước đầu biết lọc các nguồn tài liệu tin cậy để tìm kiếm tài liệu liên quan tới văn bản. ***1.2. NC1a - Đánh giá dữ liệu và thông tin:*** Biết cách phân biệt và chọn lọc các bài bình giảng, tài liệu phân tích VB từ các trang web giáo dục uy tín; bước đầu hình thành tư duy đối chứng để không phụ thuộc vào các nguồn thông tin thiếu xác thực trên mạng xã hội. ***2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số:*** Biết cách sử dụng các nền tảng liên lạc phổ biến (Zalo, Email, nhóm học tập) để trao đổi về bài học, chia sẻ các sản phẩm bài viết, sơ đồ tư duy hoặc các tệp tư liệu cần thiết cho việc học tập nhóm. ***3.1. NC1a - Phát triển và sáng tạo nội dung số:*** Biết cách soạn thảo văn bản nghị luận trên máy tính (sử dụng Word); bước đầu tập thiết kế sơ đồ trực quan hóa cấu tứ, hình ảnh bài thơ bằng các công cụ đơn giản (PowerPoint hoặc các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy) để làm nổi bật luận điểm. ***3.3. NC1a -*** Thực thi bản quyền và sở hữu trí tuệ: Biết cách ghi chép, trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo khi sử dụng các nhận định, bài bình luận hoặc tư liệu hình ảnh từ Internet vào bài viết nghị luận, đảm bảo tính trung thực và tôn trọng quyền tác giả.
II. PHẨM CHẤT - Có tình yêu, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước. - Đánh giá khách quan; sử dụng và trích dẫn nguồn tài liệu đúng quy định, không sao chép sản phẩm. - Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao; hợp tác hiệu quả và ứng xử văn minh trên môi trường số.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- **Thiết bị truyền thống:** Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…
- **Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học:** tìm kiếm thông tin,trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter)…

2. Học liệu dạy học:

- **Học liệu in ấn, bản word mềm:** Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- **Tư liệu tham khảo văn học:** Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.
- **Học liệu số (Học liệu đa phương tiện):** Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- **Công cụ đánh giá:** Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết:25,26

VĂN BẢN 1: CẦU HIỀN CHIẾU
(*Chiếu cầu hiền*)
- Ngô Thì Nhậm -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Biết được đặc điểm của *chiếu* như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như *hịch* vá *cáo, chiếu* thuộc loại văn bản chức năng, được viết (hay ủy nhiệm viết) và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước (vua), nhằm mục đích điều hành xã hội.
- Hiểu được chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất cứ một văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS cần nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố bổ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.

- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm qua *Cầu hiền chiếu* - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.

c Năng lực số (NLS)

+ 1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin: Biết sử dụng công cụ tìm kiếm để tra cứu các tài liệu lịch sử uy tín về tác giả Ngô Thì Nhậm, vua Quang Trung và đặc trưng của thể loại chiếu.

+ 1.2. NC1a - Đánh giá dữ liệu và thông tin: Biết chọn lọc thông tin từ các nguồn đáng tin cậy để xác định đúng vị thế của người viết, mục đích viết và đối tượng tác động của văn bản.

+ 2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số: Sử dụng các nền tảng trực tuyến (nhóm học tập, bảng tương tác...) để thảo luận, diễn đạt ý kiến về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài.

+ 3.1. NC1a - Phát triển và sáng tạo nội dung số: Dùng các công cụ số (PowerPoint, Canva, sơ đồ tư duy...) để trực quan hóa cấu trúc văn bản nghị luận trung đại, qua đó làm nổi bật tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm.

+ 3.3. NC1a - Thực thi bản quyền và sở hữu trí tuệ: Tuân thủ quy tắc trích dẫn khi sử dụng các tư liệu lịch sử, bài bình giảng văn học để làm rõ các thành tố bổ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản, đảm bảo tôn trọng bản quyền.

2. Phẩm chất

Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- **Thiết bị kỹ thuật số:** Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.
- **Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm:** Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).
- **Thiết bị truyền thống:** Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…
- **Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học:** tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...)

2. Học liệu dạy học:

- **Học liệu in ấn, bản word mềm:** Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- **Tư liệu tham khảo văn học:** Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.
- **Học liệu số (Học liệu đa phương tiện):** Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- **Công cụ đánh giá:** Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- **Kiến thức/Tâm thế:** - HS có hứng thú đối với bài học; HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.
- **Phát triển năng lực số (NLS):**

+ 1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Học sinh áp dụng kỹ thuật duyệt và tiếp cận tư liệu đa phương tiện trực tuyến để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Quang Trung - Nguyễn Huệ, qua đó khơi gợi hứng thú và huy động tri thức nền cho bài học.

+ 3.3. NC1a **-** Thực thi bản quyền và sở hữu trí tuệ: Biết cách ghi chép, trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo khi sử dụng các nhận định, bài bình luận hoặc tư liệu hình ảnh từ Internet vào bài viết nghị luận, đảm bảo tính trung thực và tôn trọng quyền tác giả.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip https://www.youtube.com/watch?v=rI8aIwyVRsU&t=29s - HS trả lời nhanh câu hỏi: Anh (chị) biết gì về Quang Trung - Nguyễn Huệ? (Gợi ý: Đời tư Nguyễn Huệ, cuộc tiến quân thần tốc, một số chính sách ưu việt mà Quang Trung - Nguyễn Huệ ban hành - chẳng hạn chính sách trọng hiền tài,...?) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm tổ thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài**:** ***Có không ít câu chuyện thú vị về nhà vua Quang Trung, trong số đó, câu chuyện chiêu mộ hiền tài và việc trọng dụng hiền tài khiến chúng ta thêm một lần suy ngẫm về ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, đất nước. "Cầu hiền chiếu" - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho Ngô Thì Nhậm viết là một minh chứng***.	HS tự do thể hiện những hiểu biết về Quang Trung Nguyễn Huệ, khuyến khích những mẩu chuyện mang tính dã sử (thường có tính chất văn học và huyền sử); *Chẳng hạn chuyện vua Quang Trung tiến quân thần tốc ra Bắc, chuyện vua Quang Trung tổ chức cho quân sĩ ăn Tết, chuyện mối tình vua Quang Trung với Ngọc Hân công chúa, chuyện vua Quang Trung đối sách với nhà Thanh, chuyện vua Quang Trung sử dụng người tài, chuyện vua Quang Trung cầu hôn công chúa nhà Thanh, chuyện vua Quang Trung băng hà,...*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Kiến thức: Tìm hiểu cấu trúc của văn bản nghị luận.
- **Phát triển năng lực số (NLS):**

Tương tác, phản hồi linh hoạt trên nền tảng ứng dụng trò chơi trực tuyến để giải quyết nhiệm vụ thu thập tri thức.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Ô chữ bí mật***

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức Ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi Ô chữ bí mật
+ Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.75, 76 (5 phút), sau đó gấp SGK lại.
+ Cả lớp cùng tham gia trò chơi.
- GV chuẩn bị Ô CHỮ để HS chọn khi tham gia trả lời câu hỏi. - GV trình chiếu trò chơi phiên bản tương tác số qua Tivi/máy chiếu
- HS lần lượt tham gia bằng cách chọn ô chữ và trả lời câu hỏi để tìm bí mật có trong ô chữ.
(HS tham gia trả lời 8 câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20s), cụ thể:
<table>
<tr><td>1</td><td colspan="4"></td><td>C</td><td>Â</td><td>U</td><td>C</td><td>H</td><td>U</td><td>Y</td><td>Ê</td><td>N</td></tr>
<tr><td>2</td><td colspan="3"></td><td>L</td><td>U</td><td>Â</td><td>N</td><td>Đ</td><td>Ê</td><td colspan="6"></td></tr>
<tr><td>3</td><td></td><td>M</td><td>I</td><td>Ê</td><td>U</td><td>T</td><td>A</td><td colspan="7"></td></tr>
<tr><td>4</td><td colspan="4"></td><td>T</td><td>Ư</td><td>S</td><td>Ư</td><td colspan="6"></td></tr>
<tr><td>5</td><td rowspan="2"></td><td>B</td><td>Ô</td><td>T</td><td>R</td><td>Ơ</td><td colspan="8"></td></tr>
<tr><td>6</td><td></td><td>T</td><td>H</td><td>U</td><td>Y</td><td>Ê</td><td>T</td><td>M</td><td>I</td><td>N</td><td>H</td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td>B</td><td>I</td><td>Ê</td><td>U</td><td>C</td><td>A</td><td>M</td><td colspan="7"></td></tr>
</table>
Cột dọc: Cách tổ chức văn bản nghị luận thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. (Đáp án: Cấu trúc)
Hàng ngang:
Hàng 1. Vấn đề cốt yếu mà phương thức tự sự đảm nhiệm kể lại. (Đáp án: Câu chuyện)
Hàng 2. Thành tố có tính chất bao trùm có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm trong văn bản nghị luận. (Đáp án: Luận đề)
Hàng 3. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. (Đáp án: Miêu tả)
Hàng 4. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. (Đáp án: Tự sự)
Hàng 5. Yếu tố tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, được gọi là yếu tố… (Đáp án: Bổ trợ)
</td>
<td>
I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn
1. Cấu trúc của văn bản nghị luận
- Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng… được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.
- Là thành tố có tính chất bao trùm: luận đề
- Các luận điểm
2. Yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận
Một số yếu tố bổ trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,…
</td>
</tr>
</table>

Hàng 6. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. **(Đáp án: Thuyết minh)** **Hàng 7**. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục. **(Đáp án: Biểu cảm)** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. - HS tập trung quan sát màn hình. - GV điều hành hệ thống trò chơi số, khích lệ và quan sát HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS tham gia trò chơi, ai tìm ra cột dọc nhanh nhất sẽ là người chiến thắng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV chốt đáp án trên màn hình tương tác, tuyên dương hoặc ghi điểm cho HS.	

2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

- **Năng lực số (NLS):**

+ 1.2. NC1a - Đánh giá dữ liệu và thông tin: Biết chọn lọc thông tin từ các nguồn đáng tin cậy để xác định đúng vị thế của người viết, mục đích viết và đối tượng tác động của văn bản.

+ 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Học sinh biết cách ứng dụng công cụ trình chiếu số để quản lý thông tin, tổ chức và điều hành một hoạt động học tập trực quan.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao cho các nhóm chuẩn bị trước ở nhà: - Tìm kiếm tư liệu về Ngô Thì Nhậm và *Chiếu cầu hiền.* **- HS có thể sử dụng AI để tìm hiểu thông tin về Ngô Thì Nhậm nhưng phải kiểm chứng**	**II. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Ngô Thì Nhậm(sgk)** **2. Tác phẩm** **- Hoàn cảnh ra đời:** Do Ngô Thì Nhậm viết thay vua Quang Trung vào khoảng năm 1788 – 1789 nhằm thuyết phục sĩ phu Bắc Hà ra cộng tác với triều đại Tây Sơn. **- Thể loại: *Chiếu*** **- Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận. **- Bố cục:** 4 phần.

- HS thiết kế bài thuyết trình có sự hỗ trợ của phần mềm powerpoint/ Canva **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV tổ chức cho các nhóm học sinh thực hiện phần thi "*Những con người làm nên lịch sử*". - Chọn MC dẫn dắt để đại diện các nhóm HS thuyết trình về sản phẩm đã thiết kế trước ở nhà. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	+ Phần 1 (Từ đầu đến ...*người hiền vậy*): Theo lẽ phải xưa nay, người hiền tài phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống. + Phần 2 (Tiếp đến ...*vương hầu chăng?*): Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài. + Phần 3 (Tiếp đến ...*của trẫm hay sao?*): Những khó khăn buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước. + Phần 4 (Còn lại): Nêu cách thức chiêu mộ, sử dụng người hiền tài.

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Qua việc đọc, HS cần nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố bổ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- HS hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm qua *Cầu hiền chiếu* - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- HS thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.

**Tích hợp phát triển năng lực số:*

+ 2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số: Sử dụng các nền tảng trực tuyến (nhóm học tập, bảng tương tác...) để thảo luận, diễn đạt ý kiến về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài.

+ 3.1.NC1a: Áp dụng được cách tạo và chỉnh sửa nội dung số ở định dạng cơ bản (như chụp ảnh sản phẩm Phiếu học tập vẽ tay, tạo lập file Word dùng chung hoặc slide trình chiếu) để phục vụ báo cáo.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình: ***Chiếu cầu hiền - quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời*** để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV nhắc HS mấy điều trước khi đọc:	**III. Đọc và tìm hiểu chú thích** **1. Đọc văn bản**

+ Thứ nhất, nắm được bố cục của văn bản (qua việc đánh số thứ tự văn bản trong SGK). + Thứ hai, giọng đọc phải phù hợp với nội dung từng đoạn. + Thứ ba, cần chú ý các thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản để nắm được những thao tác nghị luận mà người viết sử dụng. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gọi 2 HS đọc VB, 1 HS đọc cước chú giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc văn bản ***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** **GV hướng dẫn HS tham gia chương trình: *Chiếu cầu hiền - quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời*** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **- GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, đại diện nhóm trưởng dùng thiết bị điện tử để ghi kết quả vào trang Padlet chung của lớp và chuẩn bị tham gia chương trình.** **Nhóm 1: Nhà sử học** ***1. Tìm hiểu lí do và mục đích của bài chiếu:*** *Chiếu cầu hiền* được ban bố với lí do và mục đích gì? ***2. Tìm hiểu đối tượng của bài chiếu hướng tới:*** Văn bản hướng tới đối tượng nào trong xã hội lúc bấy giờ? Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn chiếu này, Ngô Thì Nhậm đối diện với những khó khăn gì trong việc thuyết phục các đối tượng đó ra gánh vác việc nước? **Nhóm 2: Nhà ngôn ngữ học** ***1. Tìm hiểu cấu trúc bài chiếu:*** Văn bản có mấy phần? Phân tích mối quan hệ giữa nội dung các phần.	Giọng tha thiết, tình cảm (phần 2, 3); giọng hùng hồn, mạnh mẽ (phần 4). **2. Tìm hiểu chú thích (SGK)** **IV. Khám phá văn bản** **1. Lí do và mục đích của bài chiếu** **- Lí do bài chiếu ra đời:** Những bất cập của triều đại mới, gặp nhiều khó khăn nên đòi hỏi sự trợ giúp của nhiều bậc hiền tài. **- Mục đích của bài chiếu:** Kêu gọi các hiền tài của chế độ cũ (nhà Lê) cởi bỏ tị hiềm, gắng đem hết tài sức của bản thân ra cộng tác với triều đại Tây Sơn do vua Quang Trung đứng đầu để chấn hưng đất nước. **2. Đối tượng *Chiếu cầu hiền* hướng tới** - Đối tượng mà *Cầu hiền chiếu* hướng tới là những người có học, có tài, từng gắn bó với triều đại nhà Lê, ở những cương vị khác nhau. Đó là những “sĩ phu Bắc Hà” theo cách hiểu của người thời đó. - Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*, **Ngô Thì**

2. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận của bài chiếu: - Nghệ thuật lập luận thể hiện như thế nào qua việc dùng lí lẽ và bằng chứng, phối hợp với các yếu tố biểu cảm, thuyết minh? - Theo bạn, điều gì tạo nên sức thuyết phục của *Chiếu cầu hiền*? **Nhóm 3: Nhà chính trị gia** ***Tìm hiểu thông điệp của bài chiếu:*** - Bài chiếu có xuất xứ đặc biệt như thế nào? - Viết *Chiếu cầu hiền* trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, tác giả đã gửi gắm khát vọng lớn lao nào đối với đất nước? - Chính sách của Quang Trung - Nguyễn Huệ có còn ý nghĩa trong xã hội ngày nay không? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận theo định hướng GV **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình: ***Chiếu cầu hiền – quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời*** thực hiện cuộc phỏng vấn với các chuyên gia lịch sử, chuyên gia ngôn ngữ và chuyên gia chính trị - Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. - GV trình chiếu giao diện Padlet tổng hợp của cả lớp lên màn hình để cả lớp tiện theo dõi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt vấn đề. - GV nhấn mạnh, mở rộng thêm ở một số nội dung sau: **+ Những thử thách Ngô Thì Nhậm đối diện khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*:** ++ *Hoàng Lê nhất thống chí* kể lại, thời ấy, có người trí thức tên là Lý Trần Quán đã yêu cầu người thân chôn sống mình để tạ lỗi với chúa Trịnh Khải. Rõ ràng, ở thời điểm này, việc kêu gọi người hiền tài ra phò vua mới (Quang Trung), gánh vác việc nước là điều rất khó khăn. ++ Sử sách từng ghi lại nhiều cuộc thanh toán đẫm máu của triều đại mới đối với bề tôi của triều đại cũ, vì sợ đó là mầm mống của phản	**Nhậm đối diện với những thử thách không nhỏ**: + Một mặt, đó là nếp nghĩ "tôi trung không thờ hai chủ" đã ăn sâu vào ý thức của những người sĩ phu. + Mặt khác, trong ý thức của nhiều vị sĩ phu, triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống, họ chưa có thiện cảm. +Thậm chí, họ còn nơm nớp sợ hãi khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ. **3. Cấu trúc bài chiếu** **- Văn bản có bốn phần:** **+ Phần 1**: Theo lẽ phải xưa nay, người hiền tài phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống. **+ Phần 2**: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài. **+ Phần 3:** Những khó khăn buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước. **+ Phần 4:** Nêu cách thức chiêu mộ sử dụng người hiền tài. - Mối liên hệ về nội dung giữa các phần: Lẽ phải ở đời: Người tài cần thể hiện vai trò, phát huy tài năng. (Phần 1) → Vậy mà nhiều người hiền tài có tư tưởng lánh đời. Tình trạng thiếu người hiền dẫn đến những khó khăn trong việc xây dựng triều đại mới. (Phần 2) → Vì vậy, con đường đúng đắn duy nhất là phải mời gọi người hiền tài ra đảm nhận trọng trách, giúp vua phục hưng đất nước. (Phần 3) → Muốn chiêu mộ được người hiền tài, cần có cách thức phù hợp. (Phần 4). => Như vậy, các phần của văn bản có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Phần 1 là cơ sở để nêu Phần 2; Phần 2 tất yếu sẽ dẫn đến nội dung cần

loạn. Trong bối cảnh ấy, dùng tờ chiếu để tạo được niềm tin, khiến cho những trí thức tài năng dẹp bỏ nghi kị, sẵn sàng cộng tác với triều Tây Sơn là chuyện vô cùng nan giải.

+ Nghệ thuật lập luận của bài chiếu:

++ Ví dụ cho **lí lẽ** :"Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp mười nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?".

++ Ví dụ cho **bằng chứng**: :"Kìa như, trời còn tăm tối, thì đấng quân tử phải trổ tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi".

+ Thông điệp của bài chiếu: Khi tìm hiểu thông điệp cần lưu ý đến xuất xứ đặc biệt của bài chiếu: Ngô Thì Nhậm nhân danh vua Quang Trung viết *Cầu hiền chiếu*. Nghĩa là, Ngô Thì Nhậm chấp bút, nhưng chủ thể phát ngôn là Quang Trung (thể hiện qua đại từ *trẫm*). "Nhập vai" vua Quang Trung viết tờ chiếu, Ngô Thì Nhậm hiểu được tầm quan trọng của việc ban chiếu, yêu cầu về tính thuyết phục của tờ chiếu khi hướng tới những đối tượng đặc biệt.

+ Ý nghĩa xã hội của bài chiếu:

Từ những ngày đầu dựng nước, trọng dụng hiền tài là một cách thức để nhà nước tìm kiếm

trình bày ở Phần 3. Nhờ ba phần trước mà những cách thức chiêu mộ nhân tài nêu ở Phần 4 mới hợp lí, logic.

4. Nghệ thuật lập luận của bài chiếu

- **Lí lẽ** được người viết sử dụng là những suy luận rất logic, chạm đến chân lí phổ biến, ai cũng phải thừa nhận,
- **Bằng chứng** được lấy từ thực tế liên quan đến đời sống, cho nên rất khó bác bỏ. Đồng thời, ngay ở những câu nêu bằng chứng, yếu tố biểu cảm cũng rất đậm, thể hiện ở những lời gan ruột của một vị vua nên càng tăng thêm sức thuyết phục.
- **Việc phối hợp các yếu tố biểu cảm, thuyết minh với lí lẽ, bằng chứng** như nêu trên khiến một số nội dung trở nên rõ ràng, tường minh, văn bản tăng thêm sức thuyết phục, tác động mạnh vào lí trí và tình cảm của người đọc.
- **Những điều góp phần làm nên sức thuyết phục của *Cầu hiền chiếu*:**

+ Có một tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại được thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài giúp vua dựng đất nước.

+ Các luận điểm rõ ràng, mạch lạc, quan hệ với nhau rất chặt chẽ.

+ Lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết.

5. Thông điệp bài chiếu

- **Thông điệp:** Bài chiếu chứa chở khát vọng lớn lao: muốn thuyết phục người hiền tài vượt qua những e dè, nghi ngại, đồng tâm hợp lực để cùng vua xây dựng triều đại mới, cũng chính là làm cho đất nước ngày càng vững mạnh. Đây là tư

những vị anh tài giúp ích cho đất nước, để đưa đất nước đi lên. Hiện nay, việc trọng dụng hiền tài càng trở nên thiết thực và cấp bách hơn nữa bởi thế giới đang vận hành theo một phương thức mới, nơi mà công nghệ kĩ thuật dần thay thế sức lao động con người. Chính vì vậy, trí tuệ của con người vô cùng đáng giá và là nguồn lực chủ đạo đối với quá trình phát triển của mỗi quốc gia.	tưởng lớn của một người toàn tâm toàn ý với đại nghiệp của quốc gia. **- Ý nghĩa xã hội:** + Trọng dụng hiền tài là điều hết sức cần thiết ở mọi quốc gia. Một đất nước muốn phát triển thì không thể không chiêu mộ những người tài, người giỏi trước hết là ở trong quê mình. Hiền tài là người hội tụ đầy đủ về đạo đức lẫn trí tuệ. + Trọng dụng hiền tài là chủ trương đúng đắn và luôn được nhà nước ta từ xưa đến nay chú trọng, đề cao.

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS theo nhóm đôi thực hiện thử thách "Sơ đồ 3 phút": Dùng điện thoại sử dụng phầm mềm hỗ trợ Xmind để vẽ sơ đồ tư duy trên giấy về các ý chính (Nội dung & Nghệ thuật): - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi nhóm HS trình bày 01 phút kết quả. - Nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Tổng kết** **1. Nội dung** - *Cầu hiền chiếu* là một văn kiện lịch sử quan trọng thể hiện chủ trương, đường lối đúng đắn của vua Quang Trung. - Qua bài chiếu, ta thấy được tấm lòng đối với người tài, đối với đất nước cũng như nhân cách cao đẹp của vua Quang Trung. **2. Nghệ thuật** *Cầu hiền chiếu* là một áng văn nghị luận mẫu mực: - Lập luận chặt chẽ, hợp lí, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình. - Lời lẽ khiêm nhường, chân thành, ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ. - Từ ngữ, hình ảnh: Từ ngữ giàu sức gợi, cách nói sùng cổ, sử dụng điển cố, hình ảnh ước lệ, tượng trưng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:
- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- **3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Biết cách sử dụng ứng dụng Padlet để nộp sản phẩm học tập và quản lý dữ liệu cá nhân trong môi trường số.

b. Nội dung:
- HS sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo đoạn văn phân tích.
- HS đóng vai "Giám khảo" sử dụng Rubric để đánh giá, nhận xét đoạn văn của AI và chỉnh sửa lại cho hoàn thiện.

c. Sản phẩm:
- Bản đánh giá đoạn văn của AI (theo Rubric).
- Đoạn văn hoàn thiện của học sinh (đã chỉnh sửa từ bản của AI).

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ: "Hãy dùng điện thoại nhập câu lệnh (prompt) vào công cụ AI: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về quan điểm: Người có tài cần phát huy tài năng của mình để đóng góp cho sự nghiệp chung.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện lệnh tạo văn bản trên AI.
- HS đối chiếu sản phẩm của AI với **Rubric đánh giá** (dưới đây) để chấm điểm, chỉ ra những điểm chưa đạt
- HS tự tay sửa lại đoạn văn của AI thành phiên bản của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV chọn 2-3 HS trình bày: Đã chấm bài của AI bao nhiêu điểm? AI đã thiếu hoặc làm sai điều gì? Bản sửa lại của HS có gì tốt hơn?
- HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định
- GV nhận xét, đánh giá khả năng phản biện văn học của HS.
- HS nộp lại sản phẩm cuối cùng (đoạn văn đã chỉnh sửa) qua đường link Padlet chung của lớp.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	**0**
Nội dung	Bày tỏ được suy nghĩ của bản thân về quan điểm: Người có tài cần phát huy tài năng của mình để đóng góp cho sự nghiệp chung.	
	Thể hiện được quan điểm, thái độ rõ ràng.	**2**
	Đưa ra được lí lẽ xác đáng, thuyết phục.	**2**
	Đưa ra được bằng chứng xác thực, đáng tin cậy.	**2**
	Bộc lộ được thông điệp nhân văn, ý nghĩa.	**1**
	So sánh với một số văn bản nghị luận khác cùng đề tài.	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Nhân tố con người là chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn gốc của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia. Lịch sử cho thấy những bậc "minh quân" đều rất coi trọng người tài, có thể kể đến như: vua Lê Thái Tổ với "Chiếu cầu hiền" (năm 1429), vua Quang Trung với "Chiếu lập học",…Tất cả đều thể hiện mong muốn có nhiều nhân tài để xây dựng triều đại thịnh trị, làm cho "Quốc thái dân an". Nhân tài có vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc, hiền tài được coi là "nguyên khí của quốc gia". Nhân tài không dùng tài năng để mưu cầu hạnh phúc riêng mà thường đem tài năng ấy đóng góp cho sự tiến bộ và phát triển của cộng đồng, đất nước cũng như của cả nhân loại, được xã hội thừa nhận, trọng dụng và tôn vinh.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện bài tập dự án.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Dự án học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS: Tìm hiểu chính sách sử dụng hiền tài qua các thời đại ở nước ta.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành tư duy khoa học và thẩm mĩ cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tôi có một ước mơ* (Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*, Mác-tin Lu-thơ Kinh): tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ VÀ AI CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số

1	Hoạt động khởi động	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu	**+ 1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Học sinh áp dụng kỹ thuật duyệt và tiếp cận tư liệu đa phương tiện trực tuyến để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Quang Trung - Nguyễn Huệ, qua đó khơi gợi hứng thú và huy động tri thức nền cho bài học. **+ *3.3. NC1a* -** Thực thi bản quyền và sở hữu trí tuệ: Biết cách ghi chép, trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo khi sử dụng các nhận định, bài bình luận hoặc tư liệu hình ảnh từ Internet vào bài viết nghị luận, đảm bảo tính trung thực và tôn trọng quyền tác giả.
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS Sử dụng các nền tảng trực tuyến để thảo luận, diễn đạt ý kiến về hệ thống luận đề, luận điểm	**+ 2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số:** Sử dụng các nền tảng trực tuyến (nhóm học tập, bảng tương tác...) để thảo luận, diễn đạt ý kiến về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài. **+ 3.1.NC1a:** Áp dụng được cách tạo và chỉnh sửa nội dung số ở định dạng cơ bản (như chụp ảnh sản phẩm Phiếu học tập vẽ tay, tạo lập file Word dùng chung hoặc slide trình chiếu) để phục vụ báo cáo.
3	Luyện tập	Hs nộp đoạn văn trên Padlet	**- 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Biết cách sử dụng ứng dụng Padlet để nộp sản phẩm học tập và quản lý dữ liệu cá nhân trong môi trường số.

Tiết 27,28 Văn bản 2:

TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ

(Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*)

-Martin Luther King-

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,..) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp
cần thiết.

2. Về năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ỷ lại vươn lên để có lối sống tự lực.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp

3. Về phẩm chất:

- Sống có ước mơ, khát vọng chính đáng.
- Bồi dưỡng tình yêu thương con người, yêu tự do, hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(...phút)

a. Mục tiêu hoạt động:

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học: Giá trị của những văn kiện chính trị làm thay đổi xã hội, bên cạnh đó còn là áng văn chương có sức lay động lòng người.
- Học sinh nhớ lại kiến thức đã học trước đó.

b. Nội dung thực hiện:

- Vận dụng tri thức đã biết và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề;
- Học sinh biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để tiếp cận nội dung;
- Giáo viên khuyến khích Hs nói lên suy nghĩ của mình

c. Sản phẩm:

Hs trao đổi suy nghĩ của mình

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Gv thiết kế trò chơi "Ô cửa bí mật" Học sinh trả lời 5 câu hỏi và nêu suy nghĩ về bức ảnh được dấu sau các ô cửa **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Câu 1. Hãy kể tên các văn kiện chính trị của lịch sử dân tộc Việt Nam có tính chất văn chương đậm nét? a. Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Chiếu cầu hiền, Nam quốc sơn hà. b. Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Nam Quốc sơn hà, Bảo kính cảnh giới số 43. c. Hịch tướng sĩ, Chiếu cầu hiền, Bình Ngô đại cáo, Tuyên ngôn Độc lập. d. Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Phú sông Bạch Đằng, Tuyên ngôn Độc lập. (Đáp án C) Câu 2. Hai câu thơ: "Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương" nói lên điều gì? a. Khát vọng làm nên sự nghiệp lớn của Nguyễn Trãi. b. Khao khát đất nước bình yên, nhân dân ấm no hạnh phúc. c. Ca ngợi tài đàn của vua Ngu Thuấn. d. Mong ước cuộc sống giàu sang, quyền quý. (Đáp án b) Câu 3. Mong ước của Bác trong câu nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" hướng đến những đối tượng nào? a. Nước ta, dân ta, đồng bào ta. b. Toàn thể kiều bào. c. Toàn thể nhân loại. d. Toàn thể chúng sinh. (đáp án a) Câu 4. Theo em, một cộng đồng bình đẳng là một cộng đồng như thế nào? (mọi người được tôn trọng quyền sống, quyền tự do và hạnh phúc; không phân biệt đối xử, không kì thị; được pháp luật bảo vệ quyền lợi…) Câu 5. Bức hình này gợi cho em suy nghĩ về điều gì? Nguồn bức ảnh: https://laodong.vn/the-gioi/6-phu-nu-goc-a-thiet-mang-trong-vu-xa-sung-tai-my-lam-day-len-lo-ngai-890724.ldo

	- Bức ảnh ghi lại cảnh Người dân khu Phố người Hoa ở Washington phản ứng với vụ xả súng ở các spa tại Atlanta hôm 16/03/2021 làm 8 người chết, trong đó có 6 người Mĩ gốc Á. - Gợi lên những suy nghĩ về nạn phân biệt chủng tộc vẫn còn đâu đó trên đất nước Mĩ, và trên toàn thể thế giới; Cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc vẫn chưa có hồi kết… (Gv cần trở lại chủ đề này trong phần luyện tập để khắc sâu suy nghĩ về sự cần thiết của việc xác lập sự công bằng, bình đẳng trong mọi cộng đồng)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI(...phút)

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản.

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs nắm được thông tin cơ bản về Martin Luther King.
- Nhận biết được nguồn gốc, xuất xứ của bài diễn văn.

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện sơ đồ hóa thông tin về tác giả và trả lời câu hỏi về văn bản.
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên yêu cầu Hs vẽ sơ đồ tư duy về cuộc đời và đóng góp của Martin Luther King - Gv yêu cầu Hs xác định thể loại văn bản - GV yêu cầu Hs đọc văn bản, trong khi đọc chú ý các thẻ đọc - Gv yêu cầu Hs trao đổi cặp đôi để xác định cấu trúc văn bản **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh tham khảo sgk, vẽ sơ đồ đối với yêu cầu 1; suy nghĩ độc lập với yêu cầu 2; Chú ý đọc giọng hùng hồn mà tha thiết với yêu cầu 3; Trao đổi cặp với yêu cầu 4 **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo) **Bước 4. Kết luận, nhận định**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** 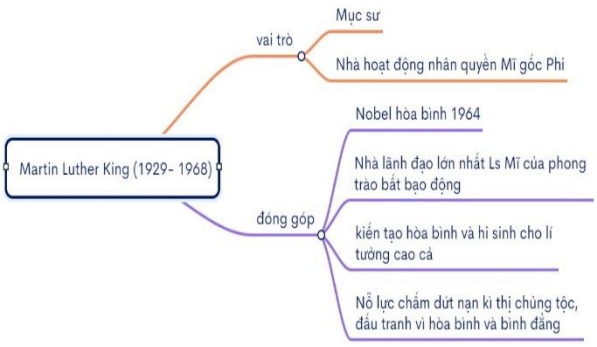 **2. Văn bản** **a. Xuất xứ: sgk** **b. Thể loại:** Văn chính luận **b. Cấu trúc văn bản** - Luận đề: Kêu gọi hành động đấu tranh vì tự do, bình đẳng của người da đen trên đất Mĩ (mục đích hướng tới trong phần ĐVĐ) - Luận điểm (phần GQVĐ):

- Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản - Cho Hs nghe một đoạn video về bài diễn văn để Hs cảm nhận tính nhiệt hứng của văn bản trước công chúng. Link xem bài diễn văn: https://www.youtube.com/watch?v=vP4iY1TtS3s&t=54s&ab_channel=RAREFACTS	+ Thực trạng cuộc sống người da đen trái ngược với những gì đã tuyên bố trong "Tuyên ngôn giải phóng Nô lệ"; + Cần xác định thời điểm quan trọng để đòi lại công lí cho người da đen; + Cần có thái độ đấu tranh kiên quyết nhưng không bạo lực; + Cần đoàn kết và luôn tiến về phía trước trong cuộc đấu tranh đòi công lí + Thể hiện niềm tin, ước mơ về tự do, công lí cho người da đen. - Phần kết: Khẳng định lại niềm tin và ước mơ.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu hoạt động:

- HS phân tích được cấu trúc của văn bản và các yếu tố bổ trợ, qua đó nắm được tình cảm của tác giả.
- Kết nối văn bản trải nghiệm với cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ.

b. Nội dung thực hiện:

- HS đọc VB, vận dụng "tri thức ngữ văn", làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ..

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Khám phá tính thuyết phục của việc trình bày các quan điểm **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10- 12 Hs (lớp có từ 40-45 hs) để HS tìm hiểu về cách trình bày quan điểm của tác giả một cách thuyết phục, biểu cảm. + Nhóm 1: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 1 + Nhóm 2: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 2, 3 (chỉ chọn 1 trong 2 luận điểm) + Nhóm 3: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 4	**II. Đọc hiểu văn bản** **1. Sự thuyết phục của các quan điểm trong văn bản.** **- Luận điểm 1:** Thực trạng cuộc sống người da đen trái ngược với những gì đã tuyên bố trong "Tuyên ngôn giải phóng Nô lệ" + Lí lẽ: -- Một trăm năm trước, Lin-côn đã ký bản Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ -- Nhưng một trăm năm sau người da đen vẫn chưa được tự do. + Dẫn chứng: Một trăm năm sau…bị trói trong gông cùm của phân biệt…sống cô đơn… gầy mòn trong những ngóc ngách…-> sinh động, cụ thể, khái quát được tình trạng bất ổn, cô độc của người da đen + Yếu tố bổ trợ: Lặp cấu trúc câu khẳng định "Một trăm năm…", hình ảnh ẩn dụ-> nhấn mạnh thái độ bất bình trước sự bất công, kì thị còn là một thực trạng nhức nhối; tha thiết bày tỏ mong muốn chấm dứt thảm trạng này.

+ Nhóm 4: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 5 - Mỗi nhóm cần cử 1 trưởng nhóm để điều hành, 1 thứ kí (ngồi vị trí trung tâm) để ghi chép, một số bạn thông tin và phản biện (nhiệm vụ thông tin là ghi chép các nội dung báo cáo từ các nhóm khác và nêu lên những nội dung trọng tâm cần đưa ra để phản hồi nhóm bạn; nhiệm vụ phản biện là nêu và trả lời câu hỏi phản biện…) - Thời gian hoạt động nhóm là 05 phút, thời gian báo cáo là 03 phút. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thảo luận nhóm theo cách thức đã nêu và ghi **phiếu học tập số 1** (xem phụ lục) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Hs chia sẻ bài làm của nhóm, các nhóm nhận xét bổ sung và đánh giá theo bảng kiểm (phụ lục) **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản (* Lưu ý điệp khúc "tôi mơ rằng…" ban đầu không có trong văn bản, giây phút Martin Luther King bất chợt dừng lại tích tắc thì ca sĩ nhạc phúc âm Mahalia Jackson đứng cách bục phát biểu hơn 4 m, hét lên: "Hãy nói với họ về giấc mơ, Martin", từ đó ông để tờ diễn văn đã chuẩn bị sang một bên và nói bằng tiếng nói từ trái tim mình)	- **Luận điểm 2:** Cần xác định thời điểm quan trọng để đòi lại công lí cho người da đen + Lí lẽ: --Một loạt câu khẳng định điệp ý diễn tả tính cấp bách của thời khắc Ngay Bây Giờ "Đây là lúc…" -- Chỉ ra những tác hại nếu phớt lờ vấn đề cấp bách + Dẫn chứng: Mùa hè ngột ngạt của người da đen…những cuộc nổi dậy… + Yếu tố bổ trợ: Nghệ thuật điệp câu chứa mệnh đề khẳng định "đây là lúc…" nhấn mạnh sự dứt khoát, quyết liệt cần phải hành động kịp thời; hình ảnh ẩn dụ->tạo tính hàm súc, có những gợi mở lớn cho văn bản. - **Luận điểm 3**: Cần có thái độ đấu tranh kiên quyết nhưng không bạo lực + Lí lẽ: -- Không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo sa vào bạo loạn. -- Tinh thần chiến đấu quật cường mới vừa trào sôi …không được đẩy đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng. + Dẫn chứng: Có rất nhiều người da trắng đã nhận ra vận mệnh của họ gắn liền với vận mệnh của người da đen, rằng tự do của họ không thể tách rời với tự do của người da đen->những điều mắt thấy tai nghe, thuyết phục có ý nghĩa trấn an mạnh mẽ. + Yếu tố bổ trợ: Điệp cấu trúc câu mệnh lệnh->khẳng định cần có cách đấu tranh đúng đắn, bất bạo động-> tư tưởng nhân văn cao cả. - **Luận điểm 4:** Cần đoàn kết và luôn tiến về phía trước trong cuộc đấu tranh đòi công lí + Lí lẽ: -- Chúng ta không thể quay lại… -- Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng… + Bằng chứng: Người da đen vẫn còn là những nạn nhân câm lặng của vấn nạn bạo lực từ cảnh sát; không thể tìm được chốn nghỉ chân trong quán trọ ven xa lộ hay khách sạn trong thành phố; bị tước đoạt nhân phẩm và lòng tự trọng bởi những tấm biển đề "Chỉ dành cho người da trắng"; không có quyền bầu cử… + Yếu tố bổ trợ: Điệp cấu trúc phủ định "chúng ta không thể…", hình ảnh ẩn dụ..-> giọng điệu xót xa cho thực cảnh người da đen còn sống trong khổ đau, đày đọa và tuyệt vọng; - **Luận điểm 5:** Niềm tin, ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.

<table>
<tr>
<td>Nhiệm vụ 2: Khám phá ý nghĩa của văn bản thể hiện qua thái độ, tình cảm và khát vọng của tác giả.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập
- Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi theo Phiếu học tập số 2 (phụ lục); Hs trao đổi và ghi vào phiếu học tập trong vòng 4 phút, trình bày 02 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh thực hiện yêu cầu theo phiếu học tập số 2
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung.
Bước 4. Kết luận, nhận định
Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 3: Hs tổng kết các nội dung đã học
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập
- Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp theo tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh thực hiện yêu cầu theo cặp đôi
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo)
Bước 4. Kết luận, nhận định
Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</td>
<td>+ Lí lẽ:
-- Bạn sẽ tiếp tục với niềm tin rằng khổ đau sẽ có ngày được đền đáp…
-- Đừng đắm chìm trong tuyệt vọng… tôi vẫn có ước mơ …
-- Để nước Mĩ trở thành một quốc gia vĩ đại, thì điều này phải trở thành sự thật..
+ Dẫn chứng: Tôi mơ rằng một ngày kia…; Hãy để tự do ngân vang…
+ Yếu tố bổ trợ:
-- điệp khúc “tôi mơ rằng”, “hãy để tự do ngân vang”-> tạo giọng điệu âm hưởng hùng hồn, tha thiết, tạo ra nhiệt hứng cho đám đông; nhấn mạnh mơ ước về sự bình đẳng, tình bằng hữu, sự tôn trọng nhân cách của cả người da đen lẫn da trắng.
-- hình ảnh ẩn dụ: “tự do ngân vang trên những đỉnh đồi…ngọn núi…”-> biểu tượng cho sự lớn lao, kì vĩ của nước Mĩ trong mơ ước của tác giả-> mơ ước về một nước Mĩ hùng mạnh.
2. Thái độ và tình cảm, khát vọng của tác giả đối với đất nước Mỹ qua văn bản
<table>
<tr><th>Khát vọng</th><th>Thái độ, tình cảm</th></tr>
<tr><td>Tự do dân chủ cho người da đen (luận điểm 1, 2)</td><td>Thái độ chân thành, đầy nhiệt hứng, đầy quyết tâm khi nói về mong muốn, ước mơ, niềm tin (luận điểm 5); Thái độ xót xa, bất bình khi nói về thực tại bất công, thảm trạng. (luận điểm 1, 2)</td></tr>
<tr><td>Đoàn kết hợp tác dân tộc (luận điểm 3)</td><td>Tình cảm yêu nước gắn với tư tưởng nhân văn- đấu tranh bất bạo động (lí lẽ trong luận điểm 3)</td></tr>
<tr><td>Khao khát cháy bỏng về sự phát triển thịnh vượng của nước Mĩ (luận điểm 5)</td><td>….</td></tr>
</table>
III. Tổng kết
a. Nội dung:
Văn bản viết ra nhằm mục đích khẳng định quyền bình đẳng của người da đen. Đây là lời kêu gọi sự đấu tranh giành quyền bình đẳng cho người da đen.
b. Nghệ thuật:
- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.</td>
</tr>
</table>

	- Từ ngữ và câu văn giàu hình ảnh, hàm súc, có tính gợi mở; khai thác nghệ thuật trùng điệp tạo nên giọng điệu và âm hưởng vừa hùng hồn vừa tha thiết…

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(...phút)

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs hiểu nắm bắt tư tưởng, quan điểm của tác giả qua văn bản đồng thời liên hệ với vốn sống thực tế để nhận thức lí giải về tính thời sự và tính bất biến của tư tưởng đặt ra trong văn bản;
- Hs luyện tập được cách đưa ra, lí giải và bảo vệ quan điểm của mình

b. Nội dung thực hiện:

-Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Cho Hs quan sát 2 bức ảnh: (Một phụ nữ cầm biểu ngữ ghi thông điệp "Chúng tôi cũng là người Mỹ" như thể hiện sự chua chát của những người gốc Á khi bị phân biệt đối xử ở Mỹ - nguồn: https://tuoitre.vn/chi-mot-nam-gan-4-000-vu-ky-thi-nguoi-my-goc-a-xuong-duong-20210320110645 48.htm Từ quan sát các hình ảnh, trả lời câu hỏi: Theo bạn, trên thực tế hiện nay, quan điểm và mơ ước của Martin Luther King còn có ý nghĩa không? Vì sao? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện yêu cầu **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung.	*** Quan điểm và ước mơ của tác giả thể hiện trong văn bản đến nay vẫn còn có ý nghĩa, bởi lẽ:** - Tuy chế độ phân biệt chủng tộc trong xã hội hiện nay về cơ bản đã được giải quyết trên diện rộng, giấc mơ của Martin Luther King đã được hiện thực hóa một phần (ví dụ nước Mĩ đã có tổng thống da màu) nhưng đâu đó trên thế giới chúng ta vẫn bắt gặp những bất bình đẳng về sắc tộc, còn hành vi bạo lực, thái độ, cách ứng xử còn có sự phân biệt, kì thị (ví dụ…) - Có thể tư tưởng phân biệt đã ăn sâu vào tiềm thức qua từng thế hệ, vì vậy quan điểm đấu tranh và mơ ước của Martin Luther King vẫn còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều dân tộc trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và công lí.

Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(...phút)

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs rút ra bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận thuyết phục người khác
- Hs biết cách viết một bài NLXH ứng dụng trong cuộc sống

b. Nội dung thực hiện:

-Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập
- GV yêu cầu Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh vấn đề: Từ bài diễn văn “Tôi có một ước mơ”, bạn rút ra bài học gì trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục;
- Hãy tưởng tượng bạn sẽ thuyết phục khoảng toàn bộ Hs khối 12 (tầm 600 Hs) về tác hại của hiệu ứng đám đông trên mạng xã hội, bạn sẽ nói những gì? (Giao Hs bài tập về nhà- báo cáo vào tiết đầu tiết tiếp theo)
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh thực hiện yêu cầu theo cặp đôi
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo nội dung, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo tại lớp)
Bước 4. Kết luận, nhận định
Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</td><td>* Bài học trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục:
<table>
<tr><th>Luận đề</th><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th><th>Các y tố bổ t</th></tr>
<tr><td>Rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu</td><td>Rõ ràng, sắp xếp hợp lí, làm sáng rõ luận đề</td><td>- Lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, được triển khai theo trình tự hợp lí, có liên quan và cùng làm sáng tỏ luận điểm;
- Lí lẽ góp phần thể hiện giọng điệu</td><td>-Dùng các y tố tự miêu biểu cả các b pháp từ l tăng h quả b đạt Vb.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

*** KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT (Thực hiện theo yêu cầu sgk)**

Gợi ý:

- Mở đoạn: Giới thiệu điều bạn tâm đắc nhất khi đọc văn bản
- Thân đoạn: Triển khai ý logic, hợp lí; Vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ thông điệp có ý nghĩa với bản thân
- Kết đoạn: Khẳng định lại điều mà mình tâm đắc

*** Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: *nêu suy nghĩ về một nhận định mà em cảm thấy tâm đắc nhất trong văn bản "Chữ bầu lên nhà thơ" của Lê Đạt.*	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

4. Củng cố:

- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục
- Cách sử dụng các yếu tố bổ trợ nhằm tăng tính biểu cảm của VB

5. HDVN:

- Chuẩn bị bài mới: *Một thời đại trong thi ca*

+Tìm hiểu về phong trào thơ mới và tác giả Hoài Thanh

+ Chú ý các thẻ đọc khi tìm hiểu VB

PHẦN PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1:

Tên nhóm: …….

Nội dung thảo luận:…….

Thời gian: 05 phút

Gợi ý thảo luận theo các hướng dẫn trong bảng sau:

Luận điểm	*Lí lẽ*	*Dẫn chứng*	*Chỉ ra và nhận xét hiệu quả của các yếu tố bổ trợ*
……	…… …	……	……

Phiếu học tập số 2:

Tên nhóm: …….
Nội dung thảo luận:…….
Thời gian: 04 phút
Gợi ý thảo luận theo các hướng dẫn trong bảng sau:

Khát vọng		*Thái độ, tình cảm*	
Ngữ liệu minh họa	Khát vọng	Ngữ liệu minh họa	Thái độ, tình cảm
….	….	….	…..
….	….	….	……

Phiếu đánh giá bài thuyết trình của nhóm:

Nhóm đánh giá:……
Nhóm được đánh giá: ……
Nội dung đánh giá: ……

Tiêu chí đánh giá	**Nhận xét**	**Điểm**
Nội dung trình bày: 40 điểm (đảm bảo tính khoa học, chính xác, sâu sắc)		
Sự hấp dẫn, thuyết phục của bài trình bày: 30 điểm (ngắn gọn súc tích, hấp dẫn; lôi kéo được nhiều người tham gia)		
Có sự hợp tác của nhóm lúc trình bày: 20 điểm		
Thời gian đảm bảo: 10 điểm		
Tổng điểm:		

Tiết 29-TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

Tiết 30- VĂN BẢN 3

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Hoài Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được nội dung, ý nghĩa của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ, tình cảm của người viết, vai trò của yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (Kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học…) của thời kì 1930-1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

2. Về năng lực:

- Năng lực đọc – hiểu các bài phê bình văn học.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài phê bình văn học của Hoài Thanh.
- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Về phẩm chất:

Có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, phiếu học tập,tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *về Phong trào thơ Mới…*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong tiến trình dạy bài mới

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(...phút)

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng phân tích, kĩ thuật động não để nhận diện sự khác biệt cơ bản giữa thơ cũ và thơ mới trên một vài bình diện cơ bản.

c. Sản phẩm: Bản trình chiếu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV trình chiếu bài *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử) và *Bảo kính cảnh giới-43 (*Nguyễn Trãi) và yêu cầu HS thảo luận, nhận xét về sự khác biệt trên một số bình diện:	**- Về văn tự:** chữ Quốc ngữ- chữ Nôm **- Về tác giả:** Trí thức Tây học- Nho sĩ

- Về văn tự - Về tác giả - Về nội dung - Về nghệ thuật (thể thơ, thi pháp…) **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi **B3. Báo cáo thảo luận:** Điểm khác biệt giữa hai bài thơ trung đại và hiện đại **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức =>Từ đó, giáo viên giới thiệu *bài mới:* *Đầu thập niên 1930, văn hóa Việt Nam diễn ra cuộc vận động đổi mới thơ ca mạnh mẽ với sự xuất hiện làn sóng thơ mới với cá tính sáng tác độc đáo. Cuộc vận động đề xướng sử dụng các thể loại thơ mới, không tuân theo lối vần luật, niêm luật của các thể loại thơ cổ. Cuộc canh tân này đi vào lịch sử văn học tên gọi Phong trào Thơ Mới.* *Hoài Thanh, người say thơ bậc nhất trong những người say thơ đã có những nghiên cứu xuất sắc về phong trào thơ Mới. Ông để lại cuốn "Thi nhân Việt Nam" hấp dẫn bao thế hệ bạn đọc. Tiểu luận "Một thời đại trong thi ca" đặt ở đầu sách là một công trình nghiên cứu phê bình kiệt xuất, một áng văn nghị luận dạt dào chất thơ. Đoạn trích "Một thời đại trong thi ca" là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.*	**- Về nội dung:** Cảm xúc cá nhân- Sự vận động của cảnh vật gắn với ý thức về bổn phận **- Về nghệ thuật:** + Thơ trung đại mang tính quy phạm, thể thơ gò bó vào niêm luật, hình ảnh mang nặng tính ước lệ, công thức. Hệ thống ước lệ phức tạp, nghiêm ngặt. + Thơ mới không sử dụng nhiều hệ thống ước lệ phức tạp, thoát khỏi cách diễn đạt theo quy tắc cứng nhắc, thể thơ tự do (số tiếng, số dòng, vần, nhịp…) ngôn ngữ thơ gần với lời nói cá nhân, hình ảnh sinh động gần với đời sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(...phút)

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm "Một thời đại trong thi ca"

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, khái quát thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc kĩ phần giới thiệu về tác giả và bài tiểu luận SGK- tr. 88. Hoàn thành phiếu học tập sau: Giới thiệu về tác giả Hoài Thanh? | Thể loại, vị trí, nội dung chính của tiểu luận " Một thời đại trong thi ca" | **B2. Thực hiện nhiệm vụ**	**I. Tìm hiểu chung** **1.Tác giả:** - Nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại. - Tác phẩm sáng giá nhất: *Thi nhân Việt Nam(*1942) được in tới 33 lần

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi hoàn thành phiếu học tập **B3. Báo cáo thảo luận** - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. -HS khác bổ sung kiến thức nếu cần. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức, mở rộng Hoài Thanh có biệt tài trong thẩm thơ. Ông gọi lối phê bình của mình là "lấy hồn tôi để hiểu hồn người". Cách phê bình của ông nhẹ nhàng, tinh tế, hài hòa và luôn thấp thoáng một nụ cười hóm hỉnh…Có nhà thơ viết về ông: *"Xứ sở của những người tình bắc cầu dải yếm* *Có một chàng quên ngủ quên ăn* *Không mơ bóng giai nhân* *Không đi tìm phú quý* *Chỉ lo tìm cất giữ* *Những hạt vàng thi nhân"* (Nguyễn Vũ Tiềm)	- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật 2000. **2. Một thời đại trong thi ca:** - Văn bản nghị luận về 1 vấn đề văn học - Là bài tiểu luận đặt ở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam* - Nội dung: tổng kết 1 cách sâu sắc về phong trào Thơ mới

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và cấu trúc của văn bản nghị luận

- Học sinh phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

+ Chỉ ra cách nhận diện "tinh thần thơ mới" của tác giả:

+ Chỉ ra điều cốt lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn Việt Nam lúc bấy giờ; bi kịch của "cái tôi" trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch.

+ Chỉ ra ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời

- Học sinh đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản

- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.
- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN: **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:	**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:** **1. Hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm** * Luận đề: "Tinh thần Thơ mới": *** Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề:** - Thực trạng khó phân biệt rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới

Để làm sáng tỏ luận đề "Tinh thần thơ mới" tác giả đã đưa ra hệ thống luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân và theo hoạt động nhóm theo kĩ thuật khan trải bàn. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức	- Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới: So sánh bài hay với bài hay và dựa vào đại thể - Nhận diện điểm khác biệt giữa thơ cũ và thơ mới : Tinh thần thơ mới: chữ tôi; Tinh thần thơ cũ: chữ ta - Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó. - Ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời * **Mối quan hệ giữa các luận điểm:** Các luận điểm sắp xếp theo trình tự logic: - **Nêu vấn đề:** Thực trạng khó phân biệt rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới→Đề xuất tiêu chí phân biệt **- Giải quyết vấn đề:** Nhận diện điểm khác biệt giữa thơ cũ và thơ mới → Tình trạng "cái Tôi" khi mới xuất hiện và những biểu hiện của cái Tôi trong thơ Mới **- Kết thúc vấn đề:** Ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự phù hợp về nội dung nghị luận với vấn đề nghị luận **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** **Hoạt động cá nhân:** **Câu hỏi 1:** Ở phần đầu văn bản, tác giả đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ – thơ mới nhằm mục đích gì?	**2. Sự phù hợp về nội dung nghị luận với vấn đề nghị luận** **a. Nội dung 1: Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới** - Các tiêu chí so sánh thơ cũ và thơ mới: + **Phải so sánh bài hay với bài hay**, không thể căn cứ vào những bài thơ dở, vì thời nào cũng có bài hay bài dở + **Dựa trên đại thể** vì các thời đại nối tiếp nhau, khó phân biệt rạch ròi - Mục đích của việc đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ và thơ mới: + Giúp người đọc hiểu cái khó khăn và khao khát của kẻ yêu văn quyết tìm cho được tinh thần thơ mới. + Giúp người đọc hiểu về tinh thần thơ cho đúng đắn. + Thuyết phục người đọc đồng thuận với những luận giải của tác giả về tinh thần thơ Mới.
Câu hỏi 2: Hãy nhận xét cách diễn giải về "cái Tôi" của Hoài Thanh trong văn bản (đặc biệt	**b. Nội dung 2: Tinh thần thơ mới là cái "Tôi"** *** Nội dung diễn giải về cái "Tôi"** - Tinh thần thơ mới là chữ "Tôi".

chú ý đoạn: "Đời chúng ta … cùng Huy Cận").

Câu hỏi	Gợi ý
Nội dung diễn giải về cái Tôi của tác giả?	- Tinh thần thơ mới là gì? Em hiểu thời đại chữ *Tôi* và thời đại chữ *Ta* như thế nào? - Tìm các câu văn thể hiện bi kịch của cái Tôi thơ Mới và phân tích bi kịch của nó?
Nhận xét cách diễn giải của tác giả?	- Về từ ngữ - Về BPTT - HS đọc đoạn: *"Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi…cùng Huy Cận"* Chỉ ra vẻ đẹp và sức hấp dẫn của đoạn văn trên?

B2. Thực hiện nhiệm vụ
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận
- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- HS nhóm khác theo dõi, tham vấn, trao đổi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu tác dụng của dẫn chứng và các biện pháp tu từ trong việc tăng sức hấp dẫn và thuyết phục văn bản

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm theo tổ hoàn thành phiếu học tập:

+ Cái khác ở chữ "Tôi" và chữ "Ta". Ngày trước là thời chữ "Ta", bây giờ là thời chữ "Tôi".

+ Chữ "Tôi" trước đây nếu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ "Ta". Chữ "Tôi" bây giờ là chữ "tôi" theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.

- Bi kịch "đáng thương" và " tội nghiệp" của cái Tôi :

+ Nó xuất hiện "bỡ ngỡ" như "lạc loài nơi đất khách", trong sự tiếp nhận của "bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu"

+ Nó không còn cái cốt cách hiên ngang ngày trước, nó "chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại, bế tắc: thoát lên tiên, phiêu lưu trong trường tình, điên cuồng, đắm say, bơ vơ, ngẩn ngơ buồn, bàng hoàng, thiếu hụt lòng tin …

*** Nhận xét về cách diễn giải của tác giả:**

- Dùng chữ Tôi để diễn đạt ý thức cá nhân, đối sánh với chữ Ta thể hiện ý thức cộng đồng
- Dùng biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ để diễn tả tình trạng của ý thức cá nhân khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam
- Sử dụng hàng loạt các từ ngữ chỉ cảm xúc để biểu đạt những hướng tìm tòi và những biểu hiện khác nhau của ý thức cá nhân trong thơ Mới.
- Đoạn *"Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi… cùng Huy Cận"*

+ Nhận định có tính khái quát cao về sự bế tắc của cái tôi
+ Chỉ ra được phong cách riêng của từng nhà thơ một cách tinh tế.
+ Câu văn nghị luận giàu chất thơ, chất nhạc, cách viết mềm mại, uyển chuyển có tác dụng khêu gợi cảm xúc và hứng thú
+ Khi nói về từng nhà thơ: giọng điệu giãi bày, chia sẻ, tâm tình "lấy hồn tôi để hiểu hồn người"

3. Tác dụng của dẫn chứng và các biện pháp tu từ trong việc tăng sức hấp dẫn và thuyết phục văn bản

a. Cách sử dụng dẫn chứng

<table>
<tr>
<td>
<table>
<tr><td>Nhóm 1,2</td><td>Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận được Hoài Thanh thể hiện qua văn bản.</td></tr>
<tr><td>Nhóm 3,4</td><td>Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản.</td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.
B3. Báo cáo thảo luận:
- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- HS nhóm khác theo dõi, tham vấn, trao đổi.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức
</td>
<td>
* Các dẫn chứng:
- Minh hoạ cho tình trạng khó rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới: Trích dẫn thơ Xuân Diệu và các nhà thơ trung đại như Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan.
- Minh hoạ cho tình trạng thiếu vắng cái Tôi trong thơ cũ (đoạn về Cao Bá Nhạ) và sự khác biệt cảm xúc giữa thơ cũ và thơ mới (Đoạn về Nguyễn Công Trứ)
- Minh hoạ cho phong cách riêng của các tác giả thơ Mới…
* Nhận xét:
+ Hoài Thanh lấy dẫn chứng thực tế giúp cho văn bản có sức thuyết phục cao hơn.
+ Khi tìm cái mới của thơ mới tác giả nhìn vấn đề trong mối quan hệ với thời đại, với tâm lí người đương thời thấu đáo, sâu sắc
+ Có cái nhìn thấu đáo về “cái tôi”, “cái ta”.
b. Giá trị của BPTT
Minh hoạ qua đoạn văn cuối:
Biện pháp nghệ thuật:
- Điệp ngữ, lặp cấu trúc: Chưa bao giờ như bây giờ…
- Giá trị đặc sắc:
+ Làm cho lời văn nghị luận trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.
+ Giúp cho người đọc cảm nhận được trạng thái đặc biệt trong tâm thế, cảm xúc, khát vọng của các nhà thơ mới và sự tin tưởng, khích lệ của Hoài Thanh với các nhà thơ trong phong trào thơ Mới
</td>
</tr>
<tr>
<td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Qua văn bản, bạn hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối văn phê bình của Hoài Thanh.
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.
B3. Báo cáo thảo luận:
- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- HS khác theo dõi, tham vấn, trao đổi.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức
</td>
<td>
III. Tổng kết
1. Nội dung
2. Nghệ thuật
- Lối văn phê bình của Hoài Thanh:
+ Đặt vấn đề rõ, gọn.
+ Dẫn dắt vấn đề khoa học, khéo léo và dễ hiểu, đảm bảo liền mạch trong hệ thống luận điểm.
+ Câu văn nghị luận giàu chất thơ, có sức gợi cảm xúc, gây hứng thú cho người đọc.
+ Nghệ thuật lí luận chặt chẽ, thấu đáo khoa học.
</td>
</tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 3-4: LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG(…phút)

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào thơ mới "đã dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt". Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận** Hs nộp sản phẩm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chấm và trả kết quả vào tiết sau	- Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề - Thân đoạn: + Giải thích lí do các nhà thơ Mới gửi gắm tình yêu đất nước trong tình yêu tiếng Việt: • Vì họ nghĩ rằng, tiếng Việt đã hứng vong hồn dân tộc những thế hệ qua. • Vận mệnh dân tộc đã gắn bó với vận mệnh tiếng Việt + Phân tích cách các nhà thơ thể hiện tình yêu tiếng Việt, yêu đất nước: • Họ dùng tiếng nói của dân tộc để sáng tác thơ, duy trì tiếng nói và các thể thơ mang hồn cốt dân tộc. • Qua thơ, họ ngợi ca thiên nhiên đất nước, gửi gắm nỗi buồn mất nước. • Qua thơ, các nhà Thơ mới đã phát triển, đổi mới ngôn từ, làm cho tiếng Việt trở nên rất phong phú, trong sáng, tinh tế, hiện đại. + Đánh giá, bình luận về quan niệm của các nhà thơ mới. • Đặt trong bối cảnh xã hội những năm đầu TK XX thì tình yêu tiếng Việt là biểu hiện của tình yêu quê hương, đất nước. • Tình yêu ấy của các nhà thơ mới giúp ngôn ngữ tiếng Việt giàu, đẹp hơn. - Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề, tạo ấn tượng kết thúc Tình yêu tiếng Việt là một biểu hiện tinh tế của tình yêu quê hương đất nước.

HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: HS nắm lại những kiến thức liên quan đến bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Vẽ sơ đồ tư duy bài học **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh trao đổi nhóm đôi **B3. Báo cáo thảo luận** Hs báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức.	Sơ đồ tư duy bài học

*** Phụ lục:**

Phụ lục 1. Rubic đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	**0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	**1 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	**1 - 3 điểm** Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**6 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	**0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	**1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	**2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Rubic chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	**1 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn Không có lỗi chính tả	**3 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	**1 – 4 điểm** Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**5 – 6 điểm** Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**7 điểm** Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Tiết 31: ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Học sinh hiểu được sự cần thiết về việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết, tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).
- Học sinh nắm vững việc cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

2. Về năng lực:
Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất:
Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, yêu tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu
2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:
Yêu cầu học sinh nhắc lại đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

3. Bài mới:
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(...phút)
a. Mục tiêu: Tạo tâm thế chủ động, tích cực cho học sinh, giúp học sinh kết nối với phần kiến thức đã học.
b. Nội dung: Cung cấp hình ảnh bài văn nghị luận của học sinh sử dụng ngôn ngữ nói
c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:
B1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- GV cho HS tham gia trò chơi: **Ai nhanh hơn**
- GV Yêu cầu HS: Tìm các các câu tục ngữ, ca dao, câu nói nổi tiếng nói về giá trị của lời nói và chữ viết? (GV giao nhiệm vụ chuẩn bị từ tiết trước)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS làm việc cá nhân
- Thời gian: 2 phút
- Chia sẻ: 3 phút

Bước 3: Báo cáo thảo luận:
HS trình bày sản phẩm của mình.

Bước 4: Đánh giá, kết quả thực hiện

- Nhận xét câu trả lời của HS.
- Dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Dự kiến:

- Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau (Ca dao)
- Lời nói gió bay/ Lời nói, gói vàng (Tục ngữ)
- Ăn có nhai, nói có nghĩ (Tục ngữ)
- Ăn bớt bát, nói bớt lời (Tục ngữ)
- Học ăn, học nói, học gói, học mở (Tục ngữ)
- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe (Ca dao)
- Bút sa gà chết (Tục ngữ)
- Uốn lưỡi 7 lần trước khi nói (Bill Mac Farlan)
- Một lời động viên chân thành có thể mang đến sức mạnh bất ngờ để vượt qua những khó khăn nghịch cảnh mà tưởng chừng họ không thể vượt qua được.
- Ba điều trong một đời khi đã đi qua không thể lấy lại được: thời gian, lời nói, cơ hội.
- Lời nói không là dao/ Mà cắt lòng đau nhói/ Lời nói không là khói/ Mà khóe mắt cay cay/ Lời nói không là mây/ Mà đưa ta xa mãi/ Sao không ngồi nghĩ lại/ Nói với nhau nhẹ nhàng/

➔GV dẫn vào bài học

Ngôn ngữ tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng. Dù trải qua không ít thăng trầm, nhưng nhân dân ta đã luôn làm tất cả để bảo tồn ngôn ngữ, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, hồn cốt của dân tộc. Vậy việc sử sụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết có gì khác nhau, chúng ta hay mặc phải những lỗi gì trong việc sử dụng và trách nhiệm của mỗi chúng ta trong việc gìn giữ, bảo vệ, phát triển tiếng nói dân tộc mỗi khi sử dụng là gì? Bài học hôm nay cô trò mình hãy cùng nhau tìm hiểu kỹ hơn về vấn đề đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(…phút)

* NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

a. Mục tiêu: Củng cố một số kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó giúp học sinh hiểu được thế nào là hiện tượng lạc phong cách; phân biệt được hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung: Hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nhận xét của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td colspan="2">I. NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT</td></tr>
<tr><td><u>Bài tập 1</u>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10 học sinh, thực hiện nhiệm</td><td>1. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
PHIẾU HỌC TẬP
PHÂN BIỆT ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT
<table><tr><th>Nội dung</th><th>Ngôn ngữ nói</th><th>Ngôn ngữ viết</th></tr></table></td></tr>
</table>

vụ dưới đây trong thời gian 3 phút trên phiếu học tập và chia sẻ trong 5 phút.

Câu hỏi: hệ thống lại những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết qua bảng so sánh.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

Các nhóm trình bày sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Đánh giá đồng đẳng và giáo viên chốt lại.

Sự tiện lợi trong sử dụng		
Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin		
Dung lượng thông tin được truyền đạt		
Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ		
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian		
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian		

DỰ KIẾN SẢN PHẨM THẢO LUẬN NHÓM

Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Sự tiện lợi trong sử dụng	Thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người (tiện lợi)	Cần các phương tiện phụ trợ: bút, giấy, máy tính, điện thoại
Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin	Gắn với sự hiện diện của người nói và người nghe, việc tiếp nhận thông tin của người nghe diễn ra tức thì	Phải có thời gian cho người đọc tiếp nhận và phản hồi
Dung lượng thông tin được truyền đạt	Chỉ có thể truyền đạt một lượng thông tin hạn chế	Lượng thông tin truyền đạt rất lớn
Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ	Ít có điều kiện gọt giũa lời nói	Có điều kiện để gọt giũa
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian	Trong phạm vi hạn chế	Phạm vi rộng lớn
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian	Chỉ tồn tại nhất thời	Được lưu trữ lâu dài

Bài tập 2

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân trong thời gian 2 phút trên phiếu học tập và chia sẻ trong 3 phút.

Câu hỏi: trình bày cách hiểu về hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

Các nhóm trình bày sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Đánh giá đồng đẳng và giáo viên chốt lại.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Bảng kiểm đánh giá chéo nhóm:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Trả lời đầy đủ các yêu cầu của câu hỏi, nêu bật được sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	
2	Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp, chuẩn chính tả ngữ pháp	
3	Trình bày hấp dẫn, sinh động, có sức thuyết phục.	

2. Hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ.

- Hiện tượng lạc phong cách: không đảm bảo sự nhất quán trong cách dùng từ ngữ, đặt câu dẫn đến cách diễn đạt lệch chuẩn, không tạo được hiểu quả cao trong giao tiếp.
- Hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ: tạo ra một số hiện tượng đặc biệt về lời văn, tạo được hiệu quả cao trong trình bày và truyền đạt thông tin.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(…phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong SGK.

b. Nội dung: Làm bài tập 1, 2 trong SGK

c. Sản phẩm: Bài tập hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ: - Bài tập 1: phát hiện và sửa các lỗi diễn đạt trong ngữ liệu dưới đây	**1. Bài tập 1** - Phát hiện lỗi: sử dụng ngôn ngữ nói trong văn viết. + Ừ nhỉ! + Rất chi là + Quá là

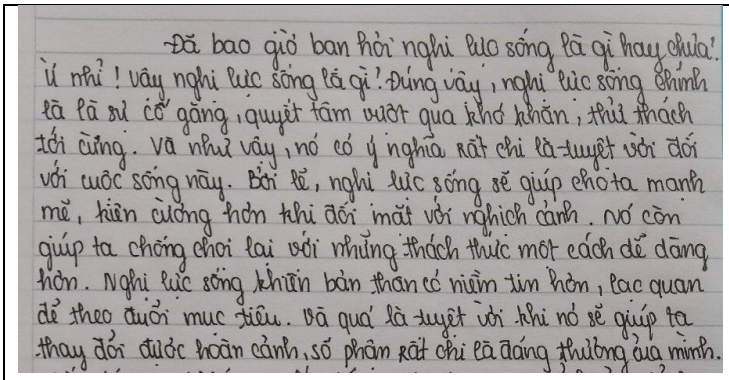 Đã bao giờ bạn hỏi nghị lực sống là gì hay chưa? Ừ nhỉ! Vậy nghị lực sống là gì! Đúng vậy, nghị lực sống chính là là sự cố gắng, quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách tới cùng. Và như vậy, nó có ý nghĩa rất chi là tuyệt vời đối với cuộc sống này. Bởi lẽ, nghị lực sống sẽ giúp cho ta mạnh mẽ, kiên cường hơn khi đối mặt với nghịch cảnh. nó còn giúp ta chống chọi lại với những thách thức một cách dễ dàng hơn. Nghị lực sống khiến bản thân có niềm tin hơn, lạc quan để theo đuổi mục tiêu. Và quả là tuyệt vời khi nó sẽ giúp ta thay đổi được hoàn cảnh, số phận rất chi là đáng thường của mình. - Bài tập 2 (GV định hướng cho hs đoạn văn phân tích trong Chí Phèo: "*Hắn vừa đi vừa chửi… Cả làng Vũ Đại cũng không ai biết…")* + Chỉ ra các câu hỏi, các câu cảm thán. + Nhận biết sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và lời nói của nhân vật khác xen vào. + Nhận xét về sự cộng hưởng ngôn ngữ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh sửa lỗi **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày sản phẩm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** HS thực hiện đánh giá đồng đẳng và giáo viên nhận xét, chốt lại.	- Phương án sửa lỗi: bỏ hoặc thay thế bằng các từ tương đương phù hợp **2. Bài tập 2** - Các câu hỏi*: Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? ..* - Các câu cảm thán: *Chắc nó trừ mình ra! Tức thật! Tức thật! A ha!...* - Sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và lời nói của nhân vật khác xen vào: + Lời độc thoại nội tâm của nhân vật: trực tiếp bộc lộ tâm trạng, tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật… + Lời nửa trực tiếp của người kể chuyện và các nhân vật khác xen vào: tái hiện ý thức giọng điệu của nhân vật và đánh giá. + Lời nhại: trần thuật, mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai, bông đùa. ➔ Sự cộng hưởng ngôn từ tạo ra tính đa thanh, đa giọng điệu, đa nghĩa cho lời văn…, tạo hiệu quả giao tiếp cao.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(…phút)

a. Mục tiêu:

- Hs vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện qua ngữ liệu, đánh giá được hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói.
- Vận dụng kiến thức để tạo lập một đoạn văn bằng ngôn ngữ viết, nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

b. Nội dung: Làm bài tập 3, 4 trong SGK

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ

Bài tập 3 (Nhóm 1, 2)

GV trình chiếu video, yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi

+ Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong đoạn hội thoại.

+ Đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói.

Bài tập 4 (Nhóm 3, 4)

GV yêu cầu hs thể hiện nội dung cuộc hội thoại ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết, nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày kết quả.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HS đánh giá đồng đẳng, gv nhận xét, chốt lại

Bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn.	
2	Đoạn văn thể hiện được nội dung cuộc hội thoại, thể hiện được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có tính liền mạch, không còn gạch đầu dòng biểu thị từng lượt lời của các nhân vật.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

4. Củng cố: GV nhấn mạnh và chốt lại hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ

5. HDVN: HS hoàn thiện các bài tập vào vở.

PHẦN VIẾT

Tiết 32,33

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI
Con người với cuộc sống xung quanh

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều về vấn đề, Thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có vì vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm cùng cố lực lượng bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

2. Về năng lực:
Năng lực tạo lập văn bản, Năng lực tư duy, năng lực làm việc cá nhân, năng lực phản biện

3. Về phẩm chất:
Chủ động, sáng tạo, có thái độ rõ ràng đối với những ý kiến trái chiều

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học:
Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

2. Học liệu:
SGK, SGV, vở ghi, bài giảng điện tử

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:
GV: Chúng ta đã học những chủ đề nghị luận xã hội nào ở lớp 10? Cấu trúc của bài nghị luận ấy gồm những phần nào?
HS trả lời: Nghị luận thuyết phục

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(…phút)
a. Mục tiêu:
- HS hào hứng với kiểu bài nghị luận xã hội
- HS nhớ lại các nguyên tắc, cấu trúc làm bài nghị luận xã hội

b. Nội dung:
- Con người và cuộc sống xung quanh luôn có nhiều vấn đề phức tạp, phong phú cần được phát hiện, bàn luận, đánh giá và có giải pháp phù hợp
- Có năng lực dùng kiểu bài nghị luận xã hội để phản ánh, trình bày quan điểm cá nhân trước vấn đề

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ -HS quan sát một số hình ảnh và xem video -Gọi tên vấn đề xuất hiện trong mối quan hệ giữa con người với cuộc sống tương ứng mà mỗi bức hình thể hiện -Đề xuất kiểu bài phù hợp nếu cần viết bài thuyết phục về vấn đề đó **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, gọi tên vấn đề, trình bày kiểu bài phù hợp với vấn đề vần thuyết phục **B3. Báo cáo thảo luận** -Các cá nhân phát biểu, nhận xét cho ý kiến **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** -Học sinh đưa ra đáp án phù hợp -Học sinh lựa chọn kiểu bài phù hợp là nghị luận xã hội	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(…phút)

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động.
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lập luận của bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV đặt câu hỏi** -Yêu cầu của bài văn nghị luận về con người với cuộc sống xung quanh có điểm gì chung và riêng với các kiểu bài văn nghị luận mà em đã viết? -Theo em, những vấn đề của đời sống được bàn đến có thể là những vấn đề nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thực hiện theo hình thức nhóm đôi **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện một số nhóm trình bày HS còn lại lắng nghe **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** -HS các nhóm nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, chốt kiến thức	1. Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh 2. Thể hiện rõ quan điểm thông qua hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng phù hợp, sinh động 3. Dẫn được những ý kiến trái chiều và phản bác lại để củng cố lập luận của bài viết 4. Rút ra ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:
-Xác định cấu trúc bài viết và hệ thống luận điểm
-Biết cách triển khai vấn đề và rút rat hao tác viết cơ bản
b. Nội dung:
- Vấn đề trong đời sống mà bài viết tập trung bàn luận
- Những luận điểm đã được tác giả triển khai và mối quan hệ giữa các luận điểm đó
- Xác định các lí lẽ, bằng chứng người viết đã sử dụng
- Ý kiến bổ sung cho bài viết
c. Sản phẩm:
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Thảo luận theo nhóm - phương pháp mảnh ghép (mỗi tổ tương ứng 1 nhóm) -Thời gian: 7 phút -Nội dung: +Nhiệm vụ chung: các tổ đều tìm vấn đề được bàn luận +Nhiệm vụ riêng: làm rõ hệ thống luận điểm - luận cứ- dẫn chứng của mỗi luận điểm Tổ 1: LĐ 1, 2 Tổ 2: LĐ 3 Tổ 3: LĐ 4 Tổ 4: LĐ 5 **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận trả lời câu hỏi theo nhiệm vụ được phân công cho mỗi tổ **B3. Báo cáo thảo luận:** -Trình bày: đại diện mỗi tổ -Sản phẩm: sơ đồ hoặc bảng thể hiện được hệ thống Luận điểm - luận cứ - dẫn chứng **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**II/ Phân tích bài viết tham khảo** **1. Vấn đề được bàn luận** -Lắng nghe -Đời sống thường nhật, con người cần biết lắng nghe "những tiếng thì thầm" – tiếng nói, tiếng lòng thầm kín và cả thế giới tự nhiên mà cần đến sự chủ động, tinh tế từ phía người nghe khi tiếp nhận những thanh âm đó **2. Hệ thống luận điểm và quan hệ giữa những LĐ** -LĐ1: Bàn về nghĩa của từ "lắng nghe" -LĐ2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn bui của con người -LĐ3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm -LĐ 4: Phản bác ý kiến trái chiều -LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe =>Quan hệ giữa các luận điểm rất logic (định nghĩa (LĐ1) -> biểu hiện (LĐ 2, 3) -> phản bác lại ý kiến trái chiều (LĐ4) -> Khẳng định tầm quan trọng của việc lắng nghe (LĐ5) **3. Lí lẽ và bằng chứng** **Vd: Lí lẽ và bằng chứng làm rõ LĐ4 – Phản bác ý kiến trái chiều** -Nêu ra ý kiến trái chiều: Vì những âm thanh ấy quá bé nhỏ nên chúng ta có thể bỏ qua do cuộc sống còn nhiều điều cần lo lắng -Dẫn chứng: "Nhưng có phải vì sự "bé mọn" của những tiếng thì thầm ấy mà ta có thể bỏ qua chúng, bởi cuộc sống này còn biết bao điều…" -Lí lẽ phản bác: Nếu không biết lắng nghe tiếng nói nhỏ bé của cuộc sống thì + Cuộc đời này có thể trở nên nhạt nhẽo hoặc chỉ toàn những âm thanh ồn ã, chat chúa + Mỗi con người sẽ tẻ nhạt, cô đơn giữa cuộc sống đông đúc, náo nhiệt.

-GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức	-Dẫn chứng: các chi tiết còn lại **4. Ý kiến bổ sung của người đọc** -Bàn thêm về việc làm thế nào có thể lắng nghe -Mở rộng thêm bài học khi liên hệ cá nhân

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (…phút)
(Thực hành viết theo các bước)

a. Mục tiêu: HS thực hiện được các công việc sau:
- Chọn được đề tài, tìm ý, lập dàn ý
- Triển khai bài viết
- Chỉnh sửa, hoàn thiện bài theo hướng dẫn của GV

b. Nội dung:
-GV hướng dẫn HS chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý và triển khai bài viết

c. Sản phẩm:
-Bài viết nghị luận về một vấn đề xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc phần "Chuẩn bị viết" trong SGK HS trả lời câu hỏi sau để tìm ý tưởng vấn đề bàn luận Suy nghĩ tìm hiểu những vấn đề gì diễn ra trong nhà trường, gia đình và môi trường xung quanh thường khiến em có trăn trở, suy nghĩ. Phát biểu vấn đề đó bằng một mệnh đề **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** -HS làm việc cá nhân, nhóm (5 phút) **B3. Báo cáo thảo luận:** (2 phút) -Một số HS trình bày qua hình ảnh, video hoặc diễn tả hoạt cảnh tình huống nhỏ tại lớp **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chọn một vấn đề để HS thực hiện triển khai *Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống thông phần viết	**II/ Thực hành viết** **1) Đề tài** **Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?**

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** **B3. Báo cáo thảo luận:** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**2.Tìm ý và lập dàn ý** **a)Tìm ý thông qua việc trả lời các câu hỏi:** - Bài viết bàn luận về vấn đề gì ? (Có thể dẫn dắt, đặt vấn đề bằng một câu hỏi) - Vấn đề được bàn luận ở những khía cạnh nào? Tác động tích cực/ tiêu cực của mỗi khía cạnh đối với đời sống con người như thế nào? - Những lí lẽ, bằng chứng nào cần đưa ra để làm rõ cho mỗi luận điểm?

- Vấn đề có ý kiến trái chiều nào? Ý kiến - lí lẽ, dẫn chứng dùng để phản bác là gì ?
- Việc bàn luận đem tới ý nghĩa gì? (Đối với cá nhân và cộng đồng xã hội)

b) Dàn ý - cấu trúc bài

Mở bài	Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận một câu chuyện, một tình huống đời sống, một
Thân bài	Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống đượ của người viết. - Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nh vấn đề. - Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đ hoặc cộng đồng.
Kết bài	Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi m động,…).

c)Dàn ý minh họa

I. Mở bài:

- Sự ra đời của các trang mạng xã hội, tiêu biểu nhất là Facebook, dần mang con người rời xa khỏi thế giới thực tại mà đắm chìm vào thế giới ảo, ngày càng có nguy cơ đánh mất những giá trị thực trong cuộc sống.

II. Thân bài:

*** Khái niệm "Sống ảo"**

- Lối sống chuộng hình thức, thậm chí nói hơi nặng lời thì đó là một cuộc sống toàn dối lừa..
- Facebook, sau là Instagram, Twitter, Zalo,... chính là các công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc "ảo" của các tín đồ "sống ảo".
- "Giá trị thực" ở đây mang hàm nghĩa rất rộng, bao gồm tất cả những gì ngoài cuộc sống thực của con người, cả niềm vui, nỗi buồn, từ những điều tốt đẹp cho đến những góc xấu xí nhất trong tâm hồn. Đó là thứ phản ánh rõ ràng nhất nhân cách, đạo đức và tâm hồn của một cá nhân.

*** Thực trạng sống ảo:**

- Nhưng có một điều rất đáng quan ngại rằng dường như con người đang dần rời xa những "giá trị thực" để chăm chăm vào việc "sống ảo" nhiều hơn.

+ Thích kết bạn qua mạng, yêu qua mạng

+ Xây cho mình những cái vỏ tuyệt vời, là nơi để thỏa sức thể hiện bản thân, bằng cách khoe khoang sự giàu có, sự

	hạnh phúc, phô bày vẻ đẹp của bản thân, để mong được sự chú ý. + Ai cũng tự tin bày tỏ quan điểm ý kiến, sẵn sàng chửi rủa lăng nhục, cười nhạo một cá nhân nào khác, để lại những tổn thương tâm lý sâu sắc cho nạn nhân, gây ra những hậu quả nghiêm trọng, khiến nạn nhân, chán chường, trầm cảm, tự tử. + Tạo scandal, phát ngôn gây sốc để nổi tiếng, chia sẻ những thông tin phản cảm, văn hóa phẩm đồi trụy một cách tràn lan mà chẳng quan tâm ai sẽ bắt gặp chúng, họ chỉ cần biết mình được tung hô, tán tụng, được bao nhiêu "like", bao nhiêu "comment", còn ai như nào không cần quan tâm. *** Hậu quả:** + Ảo tượng giá trị của bản thân, dễ dàng suy sụp chỉ vì một lời chê bai + Quên thực tại cuộc sống vốn khó khăn như nào, quên đi hết những tình cảm quý giá như tình thân, tình cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. + Họ trở nên vô cảm, vô tâm, không còn quan tâm đến thế giới thực tại, từ chối hòa nhập vào xã hội thực tế, dẫn tới khi bước vào làm việc, mưu sinh họ bị chông chênh, không có kinh nghiệm sống và ứng xử, nên rất dễ bị đào thải, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống tương lai. + Khiến cho tâm hồn con người trở nên nghèo nàn, kiến thức và vốn sống hạn hẹp, cả thế giới chỉ thu lại vào trang mạng xã hội, khiến con người trở nên lười biếng, lãng phí thời gian, bỏ qua nhiều cơ hội tu dưỡng, nâng cao tri thức, thay đổi bản thân. *Phản bác ý kiến trái chiều -"Sống ảo đem lại cảm xúc vui cho cá nhân nên không cần thiết phải từ bỏ" -Sống ảo đúng sẽ khiến ta vui nhưng việc khoe trên mạng xã hội góp phần tạo dựng tô hồng cuộc sống thực, góp phần làm sai lệch cái nhìn cuộc sống, ảnh hưởng tới tâm lí mọi người – so sánh, áp lực,… -Xa rời thực tế, mất đi thời gian đáng lẽ dành cho việc hoàn thiện bản thân được như giá trị ảo -Lâu dần tâm trạng bị phụ thuộc vào thế giới ảo *** Bài học:** - Nhận thức được tác hại của việc "sống ảo", mỗi cá nhân chúng ta cần ý thức được hành động của bản thân. - Mạng xã hội không xấu, thậm chí có rất nhiều lợi ích, nhưng chúng ta phải biết sử dụng sao cho hợp lý, đừng có đắm chìm vào đó, mải mê xây dựng những giá trị "ảo", mà bỏ rơi những "giá trị thực".

	- Đừng để việc "sống ảo" dần giết chết cả tâm hồn và thể xác chúng ta, hãy biết cách tận dụng mạng xã hội một cách hiệu quả nhất, đừng chỉ mải mê chạy theo những xu hướng, trào lưu và ảo tưởng về bản thân. **III. Kết bài:** - Hiện tượng sống ảo, đặc biệt là ở giới trẻ đang dần kéo con người rời xa và đánh mất đi những giá trị thực, có ý nghĩa cho cuộc đời. - Hãy có những nhận thức đúng đắn và biết cân bằng giữa thế giới ảo và thế giới thực

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Chỉnh sửa Mở bài nếu vấn đề chưa được nêu rõ -Kiểm tra lí lẽ, bằng chứng -Xem xét sự khái quát nghĩ của việc bàn luận vấn đề ở phần Kết bài xem đã đạt chưa -Bổ sung những ý còn sơ sài -Kiểm tra liên kết đoạn, câu trong bài viết, bổ sung nếu còn theieus -Soát lỗi chính tả và lỗi diễn đạt, sửa lại. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện bài viết theo hình thức cá nhân hoặc trao đổi với bạn cùng bàn **B3. Báo cáo thảo luận:** Một số bài viết đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đọc một số bài đã hoàn thành, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS	Đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, phát hiện những vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung đề hoàn thiện

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(…phút)
(Trả bài)

a. **Mục tiêu**:

-Học sinh biết những ưu nhược điểm trong bài viết của mình

-Học sinh nhận ra những lỗi sai, những điểm cần điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện bài viết

b. Nội dung:

-Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

-Nhận xét kết quả viết và yêu cầu học sinh chỉnh sửa bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết sau khi sửa chữa, bổ sung và hoàn thiện

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	**1 Nhận xét về ưu khuyết điểm** a. Ưu điểm:

-Nhắc lại đặc điểm chung của kiểu bài nghị luận về một vấn đề của cuộc sống thường nhật; những đòi hỏi cụ thể của kiểu bài này -Xem kĩ nhận xet của GV về lựa chọn và triển khai vấn đề, kĩ năng viết bài, cách trình bày và diễn đạt **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày bài viết sau khi sửa theo hướng dẫn của GV **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá bài làm đã hoàn thiện sau khi sửa của HS	– Một số bài viết bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề, biết dẫn dắt phân tích vấn đề, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. b. Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân. – Nhiều bài trình bày cẩu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ **2. Đọc và phân tích bài viết** ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá **3. Trả bài viết** – Tiếp thu ý kiến của HS. – Chỉnh sửa (nếu có)

4. Củng cố: GV nhấn mạnh lại những yêu cầu của kiểu bài, những lỗi nhiều học sinh mắc phải và cách khắc phục trong triển khai lập luận, trình bày và diễn đạt

5. HDVN:

-Đọc một số bài làm tốt của các bạn trong lớp, rút kinh nghiệm

-Ghi nhớ yêu cầu, cấu trúc của kiểu bài nghị luận xã hội về vấn đề xã hội

Phụ lục

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	**1 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	**2 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	**3 điểm** Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	**1 – 4 điểm** Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	**5 – 6 điểm** Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	**7 điểm** Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Bài viết gợi ý

Xã hội càng phát triển, khoa học công nghệ càng hiện đại thì cuộc sống con người cũng càng phức tạp, giả dối. Những năm gần đây, khái niệm sống ảo đã ra đời và ngày càng trở nên phổ biến, quen thuộc đối với mọi người, đặc biệt là giới trẻ. Có thể nói, việc sống ảo làm có nguy cơ đánh mất các giá trị thực. Ý kiến ấy là rất đúng về hiện tượng này.

Sống ảo là việc con người sống khác, khác bản thân mình, khác thực tế. Có thể coi sống ảo là một dạng phô bày không giống với sự thật lắm. Sống ảo thường được thể hiện qua các phương tiện của mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, twitter, weibo. Trên những trang mạng xã hội này người ta thường xuyên đăng tải những bức hình khác thực tế, những dòng trạng thái status cũng khác thực tế nhằm đánh lạc hướng suy nghĩ và nhận thức của mọi người.

Có thể thấy việc sống ảo nhiều nhất là khi các bạn trẻ sử dụng các công cụ make up, chụp hình, chỉnh hình làm đẹp rồi đăng tải trên mạng xã hội khiến mọi người lầm tưởng về vẻ đẹp, ngoại hình của mình. Rồi họ đăng tải những dòng trạng thái cũng giả dối để đánh lừa mọi người chẳng hạn như là "Đang ở một nơi rất xa" (thực ra là ở nhà), "Rảnh được đưa đi ăn" (thực ra là tự đi)… Những người sống ảo đăng hình và trạng thái thường nhằm mục đích PR cho bản thân mình, khoe khoang về bản thân: ngoại hình, thành tích, sự giàu có, sự nổi tiếng… Người ta đăng hình ảnh, trạng thái từ không đúng lắm so với thực tế cho đến khác xa thực tế, sai sự thực hoàn toàn để được mọi người, bạn bè trên mạng xã hội trầm trồ, thán phục, khen ngợi.

Sống ảo có tính chất lây lan và gây nghiện. Người sống ảo lâu dần hình thành một thói quen khó bỏ. Trước khi ăn bao giờ cũng phải lôi điện thoại ra chụp lại hình, đi chơi ở đâu bao giờ cũng chụp hình post facebook đầu tiên. Thậm chí trong những hoàn cảnh không phù hợp cũng lôi điện thoại ra check in sống ảo. Thế giới ảo bao quanh chúng ta, khiến mọi người không còn phân biệt được. Dần dần con người quên đi những giá trị thực tế, quên đi những điều rất bình dị trong cuộc sống. Sống ảo dẫn con người đến những giá trị giả dối, khiến con người dần quên mất thực tại, nhầm lẫn giữa thực tại và thế giới ảo. Nhiều người lợi dụng các công cụ mạng xã hội để bán hàng, lừa lọc bằng những hình ảnh, lời lẽ văn hoa, hào nhoáng. Rất nhiều chàng trai, cô gái đã tỏ ra vô cùng bất ngờ khi người bạn mình gặp gỡ quen biết qua mạng xã hội lại khác xa thực tế. Người ta thất vọng, chê bai thậm chí là làm nhục nhau. Bởi vì quen biết nhau qua những thước hình lung linh trên mạng, không ít bạn trẻ đã bị lừa lọc, bị dụ dỗ dẫn đến những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra.

Bởi vì hiện tượng sống ảo đang ngày càng trở nên phổ biến nên con người cũng dần đa nghi với những gì xảy ra quanh mình. Nhìn một tấm hình, nghe một lời quảng cáo, người ta thường hỏi "Có thật không đấy", "ở ngoài thế nào"… Có lẽ, vì sống ảo nhiều nên chính ta cũng đang dần mất niềm tin vào con người và dễ thất vọng với những gì xung quanh.

Mạng xã hội là một công cụ hữu ích, làm đẹp mình cũng là việc nên làm nhưng nếu cứ sống ảo, cứ giả dối như vậy sẽ chỉ khiến chúng ta dần làm mất đi giá trị thật của chính bản thân mình. Vì vậy mỗi người cần sáng suốt, tỉnh táo và nên bài trừ việc sống ảo, hãy để những gì chân thật được trở lại là chính nó.

PHẦN NÓI VÀ NGHE

TIẾT 34

TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh.

2.1 Năng lực chuyên biệt

- *Nói:* Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một vấn đề xã hội.
- *Nghe:* Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- *Nói nghe tương tác:* Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

3. Về phẩm chất:

- Biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội
xã hội cụ thể.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (…phút)

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV: chuẩn bị clip về một bài đánh giá, bàn luận một vấn đề xã hội đang được quan tâm.

HS: xem clip

c. Sản phẩm:

- Bài viết đã chuẩn bị ở nhà của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV: Cho HS xem clip và đặt câu hỏi: "Hãy xác định vấn đề đang được bàn luận, đánh giá ở đây là gì?" https://youtu.be/tpmgADc4j8w **HS:** xem clip và dự trù câu trả lời **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS xem clip và tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo thảo luận** HS trả lời câu hỏi của GV **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV dẫn dắt vào bài học: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.	Phần xem clip và câu trả lời của HS

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

- **HS trình bày** được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận
- HS **trình bày** được ý kiến của bản thân về vấn đề; rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm:

- Phần chuẩn bị của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

1. Tìm hiểu yêu cầu của bài nói.

a. Mục tiêu hoạt động:

- Biết được cách tham gia cuộc thảo luận, trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, của bài nói.

c. Sản phẩm:

- Phần thảo luận, chuẩn bị của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn thể loại bài nói. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ **Chuẩn bị nói** | **Lựa chọn đề tài** | **Tìm ý và sắp xếp ý** | **Xác định từ ngữ then chốt** | **Chuẩn bị nghe** | | | | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	**I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI** - Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận. - Làm rõ được bản chất, vai trò của của vấn đề trong đời sống xã hội. - Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể) , biết

HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình. **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	đánh giá, phân tích ý kiến của người khác. - Rút ra được ý nghĩ của việc đánh giá, bình luận về vấn đề - Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội

2. Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu:

- Soát lại được bài nói của mình trước khi đưa ra thảo luận.
- Xác nhận lại đề tài thảo luận.
- Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để trình bày ý kiến trước tập thể.

b. Nội dung

- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm

- PHT thu thập từ HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ● Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị ● HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân ● HS thực hành lập dàn ý và nói theo phiếu ht. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành nói theo chủ đề **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	**1. Chuẩn bị nói** **a. Lựa chọn đề tài:** Khi lựa chọn đề tài cho bài nói, HS có thể tham khảo những vấn đề đã được gợi ý ở phần Viết hoặc các vấn đề sau: - *Phải chăng việc thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng sẽ mâu thuẫn với quyền của cá nhân?* - *Thế hệ trẻ với vấn đề hiến máu nhân đạo.* - *Quan niệm về du học thế nào cho đúng?* - *Học đại học có phải là con đường duy nhất để kiến tạo tương lai?* **b. Tìm ý và sắp xếp ý** **Vào đại học là con đường đáng mơ ước, mở ra nhiều cơ hội** - Khi vào đại học, nếu thực sự có năng lực, khi ra trường sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn. - Học đại học sẽ tạo nền tảng kiến thức vững chắc để sau này có thể tiến xa hơn, vận dụng nó vào trong công việc hiệu quả. **Nhưng vào đại học không phải con đường tiến thân duy nhất** - Tuy nhiên tấm bằng đại học không phải tấm vé bước vào đời để bạn muốn đến đâu tùy thích, đó chỉ là yếu tố nhỏ góp phần tạo cơ hội cho bạn trong cuộc sống. - Sự thành công không phụ thuộc hoàn toàn vào thành tích học tập ở đại học mà phụ thuộc vào năng lực thực tế của mỗi người khi bước vào đời. - Trên thực tế, ở một số ngành, cơ cấu đào tạo chưa căn cứ vào cơ cấu sử dụng nhân lực thực tiễn, dẫn đến tình trạng thừa thầy thiếu thợ. - Trên thực tế, cuộc sống cũng chính là một trường đại học rộng lớn, dạy cho con người biết nhiều vấn đề thực tiễn, ở đó con người không học thông qua lí thuyết mà qua trải nghiệm. - Nhiều người đã thực sự thành công mà không cần bước chân vào con đường đại học. (Lấy VD dẫn chứng) - Vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ là người quyết định đến việc học hay không học đh… - Chúng ta có thể lựa chọn cho mình con đường thích hợp khác, như học nghề, tập tành kinh doanh,... - Ví dụ về những người thành công mà không cần học đại học: Henry Ford, Steve Jobs, Michael Dell, Bill Gates,...

	- Tuy nhiên quan trọng nhất vẫn là chúng ta phải thực sự cố gắng với lựa chọn mình đã đặt ra thì mới có thể thành công được. **2. Thực hành nói** Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách tự tin. Chủ động tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định. *- Mở đầu: Nêu vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.* *- Triển khai:* *+ Phân tích, diễn giải để làm rõ bản chất vấn đề.* *+ Nêu rõ ràng, cụ thể ý kiến đánh giá của bản thân về vấn đề (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.* *+ Đối thoại với những ý kiến khác biệt để củng cố quan điểm của mình về vấn đề.* *- Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề.* *Lưu ý: Điều chỉnh giọng nói phù hợp, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ; sử dụng PowerPoint (nếu có) và các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ khác. *Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói* **Chuẩn bị nói** **Lựa chọn đề tài:** **Tìm ý và sắp xếp ý** | **Xác định từ ngữ then chốt**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP(…phút)

a. Mục tiêu hoạt động:

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm

c. Sản phẩm:

- Phần trình bày bài nói – nghe của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành nói – nghe **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình . Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm	**Bảng kiểm thảo luận.** *Bảng kiểm thảo luận* **Người nói**: • Nắm bắt được những thắc mắc của người nghe để giải đáp thoả đáng; tiếp thu ý kiến của người nghe để có những điều chỉnh cần thiết. • Khẳng định lại những quan điểm mà bản thân cho là có đầy đủ cơ sở. **Người nghe**: • Chủ động nêu ý kiến thảo luận (thắc mắc cần được giải đáp; cách hiểu khác về bản chất vấn đề; quan điểm khác với người nói trong đánh giá, bình luận về vấn đề;...). • Cần hướng thảo luận vào cả hai khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói.

<table>
<tr>
<td>Bước 4. Kết luận, nhận định
GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</td>
<td>Rubric chấm:
Rubric đánh giá bài nói
<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr>
<tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Chọn được vấn đề thu hút được sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Trình bày đúng bản chất của vấn đề.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian; duy trì tương tác với người nghe.</td><td></td><td></td></tr>
</table></td>
</tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(…phút)

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm:

- Phần bàn luận của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS